

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Phương Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Hóa
Bà Trần Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Dương Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 924/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 16, tổ 15, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú tại: số 58, ngõ 264 NT, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1984;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 16, tổ 15, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Trại giam Thanh Lâm, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: chị T có mặt, anh T xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: chị và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chồng tại số nhà 16, tổ 15, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T nghiện ngập, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không chăm sóc con cái. Trong quá trình chung sống, chị vẫn cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt được kết quả. Ngày 24/5/2016 anh T bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 5 năm tù về tội cướp giật tài sản tại bản án số 246/2016/HSST. Hiện anh T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 26/10/2012 và Trần Trí D, sinh ngày 29/6/2015; hiện đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị là công nhân của Công ty Panasonic, mức thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Do bị đơn là anh Trần Văn T đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Lâm, thành phố Thanh Hóa nên ngày 16/11/2018 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 14/2018/QĐ-UTTA và công văn số 277/CV-TA ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 924/TB-TLVA ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai cho anh T và yêu cầu anh T tự khai hoặc lấy lời khai của anh T.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2018, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Phạm Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà 16, tổ 15, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh không có trách nhiệm với vợ con. Ngày 24/5/2016 anh bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà

Trung xử phạt 5 năm tù về tội Cướp giật tài sản và anh đã chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh xét thấy bản thân cũng có lỗi với vợ con nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 26/10/2012 và Trần Trí D, sinh ngày 29/6/2015. Ly hôn, vì lý do anh đang chấp hành án trong trại giam nên anh đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đây là toàn bộ ý kiến nguyện vọng của anh đã trình bày là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, anh không có ý kiến gì thêm, kính mong Tòa án xem xét giải quyết.

Vì lý do anh T đang chấp hành án tại trại giam Thanh Lâm, anh T không thể tham gia phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử nên anh T có đơn xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

* Tại Biên bản xác minh ngày 23/01/2019, tổ trưởng tổ dân phố số 15 phường Mai Động, quận Hoàng Mai cung cấp cho Tòa án như sau: Anh T và chị T là vợ chồng có hộ khẩu thường trú tại số nhà 16, ngách 41, ngõ 296 đường M, tổ 15, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng anh chị không được hạnh phúc. Bản thân anh T không có nghề nghiệp ổn định, cứ vào trại ra trại thường xuyên. Những lần chị T sinh con cũng phải về nhờ bố mẹ đẻ chăm sóc, không được sự chia sẻ từ anh T. Đến khoảng cuối năm 2015 thì anh T bị bắt và phải đi tù cho đến nay, chị T vẫn một mình trực tiếp nuôi 2 con. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại Biên bản làm việc ngày 30/01/2019, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội quận Hoàng Mai cho ý kiến như sau: nếu Tòa án giải quyết ly hôn, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung và phù hợp với yêu cầu của cả chị T và anh T nên đề nghị Tòa án xem xét giao cháu L và cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

* Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày: mâu thuẫn giữa chị và anh T không thể hàn gắn được nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh T và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 26/10/2012 và Trần Trí D, sinh ngày 29/6/2015 và không yêu cầu anh T cấp

dưỡng tiền nuôi các con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự là nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: xét mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: giao 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 26/10/2012 và Trần Trí D, sinh ngày 29/6/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác. Về tài sản chung và nợ chung: anh, chị xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2018 về việc xin ly hôn anh Trần Văn T. Anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số 16, tổ 15, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Ngày 24/5/2016 anh T bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 5 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 246/2016/HSST. Hiện anh T đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Lâm. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn là anh Trần Văn T hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Trại giam Thanh Lâm, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên ngày 16/11/2018 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai có Quyết định ủy thác

thu thập chứng cứ số 14/2018/QĐ-UTTA và công văn số 277/CV-TA ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ đối với bị đơn là anh Trần Văn T.

Ngày 21/01/2019 Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai nhận được kết quả ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Do anh T đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Lâm, không thể tham gia phiên tòa xét xử nên anh T có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh T cùng chung sống tại số nhà 16, tổ 15, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không có trách nhiệm với cuộc sống gia đình, không chăm sóc con cái. Ngày 24/5/2016 anh T bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 5 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 246/2016/HSST và hiện anh T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Anh T cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng, nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã kéo dài trong nhiều năm, khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T và anh T được ly hôn.

[3] Về con chung: chị T và anh T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Khánh L, sinh ngày 26/10/2012 và cháu Trần Trí D, sinh ngày 29/6/2015. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị T. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vì lý do anh T đang chấp hành hình phạt tù trong trại giam nên anh T cũng đồng ý giao 02 con chung là cháu Trần Khánh L và cháu Trần Trí D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt nhằm đảm bảo tốt nhất

cho các con. Khi ly hôn cả anh T và chị T đều có nguyện vọng giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét đây là sự tự nguyện của anh T và chị T, phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T và chị T, giao 02 con chung là cháu L và cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung: chị T và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[5] Về nợ chung: chị T và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tại phiên tòa phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Trần Văn T.

Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T xác nhận có 02 con chung là cháu Trần Khánh L, sinh ngày 26/10/2012 và cháu Trần Trí D, sinh ngày 29/6/2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T và anh T, giao cháu Trần Khánh L, sinh ngày 26/10/2012 và cháu Trần Trí D, sinh ngày 29/6/2015 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 02/2019 cho đến khi các cháu thành niên (đủ

18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trần Văn T cho đến khi chị Phạm Thị T có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Trần Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0004413 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

6. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án DS quận Hoàng Mai;
- Ủy ban nhân dân phường Mai Động, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội (GCNKH số 27, quyền số 01 ngày 12/3/2012);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Phương Minh